

BẢNG ĐIỂM KẾT QUẢ DỰ THI
CHUNG CHỈ TIẾNG ANH ĐẦU RA NỘI BỘ NĂM 2026 - ĐỢT 3
(Theo khung 6 bậc NLNN Việt Nam)

Học phần: Tiếng Anh đầu ra

Ngày thi: 10/03/2026

Kỹ năng: Đọc, Viết, Nghe, Nói

Stt	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Điểm				Điểm TB	Cấp độ
						Đọc	Viết	Nghe	Nói		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)		(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1	501240380	Nguyễn Trần Phúc	An	30/12/2006	CD24CT11	8.8	7.5	8.4	9.6	8.58	B1
2	501240136	Lương Vĩ	An	18/12/2006	CD24CT2	8.0	5.5	9.6	7.2	7.58	B1
3	501250006	Tang Kiến	An	23/10/1994	CD25CT11	9.8	8.0	9.6	10.0	9.35	B1
4	601250031	Nguyễn Minh	Ấn	28/05/2007	CL25CT1	1.0	0.3	0.8	7.2	2.33	không đạt
5	501250274	Trần Nguyễn Phương	Anh	12/11/1996	CD25CT11	9.3	9.5	9.2	10.0	9.50	B1
6	517240017	Nguyễn Thị Phương	Anh	14/09/2005	CD24TT1	5.0	4.0	8.0	7.6	6.15	B1
7	801240025	Nguyễn Đức	Anh	05/06/2005	TC24TH1	4.5	2.5	4.8	7.6	4.85	không đạt
8	510240011	Nguyễn Trần Hoài	Anh	02/01/2002	CD24DH1	1.5	0.3	2.0	0.0	0.95	không đạt
9	501250117	Trần Vũ Giang	Anh	29/10/2007	CD25CT_CLC	6.8	7.3	6.4	8.0	7.13	B1
10	601240005	Dương Gia	Bảo	25/05/2006	CL24CT1	9.0	8.0	10.0	10.0	9.25	B1
11	501250390	Nguyễn Duy	Bảo	19/09/2007	CD25CT_CLC	9.3	7.8	9.6	7.6	8.58	B1
12	501250227	Trịnh Gia	Bảo	29/05/2007	CD25CT3	8.3	7.3	7.6	8.8	8.00	B1
13	518250016	Đoàn Khoa	Bảo	17/09/2000	CD25CT1	7.8	9.0	8.4	8.8	8.50	B1
14	606250048	Nguyễn Gia	Bảo	23/06/2007	CL25CM1	5.8	4.5	5.6	7.2	5.78	A2
15	501250206	Tân Quốc	Bảo	12/10/2007	CD25CT3	0.0	0.0	0.0	0.0	0.00	không đạt
16	501250093	Nguyễn Trịnh Gia	Bảo	28/06/2001	CD25CT3	4.5	0.8	1.2	7.2	3.43	không đạt
17	510250359	Lê An	Bình	25/11/2007	CD25DH1	9.5	8.0	4.4	8.4	7.58	B1
18	801250013	Hồ Minh	Châu	05/04/2010	TC25TH1	2.0	0.5	2.8	8.0	3.33	không đạt
19	501250408	Trương Hữu	Cửa	29/09/2007	CD25CT6	0.0	0.0	0.0	0.0	0.00	không đạt
20	601240030	Nguyễn Hùng	Cường	24/02/2000	CL24CT1	9.3	6.8	8.8	7.2	8.03	B1
21	501250459	Phạm Phan Thành	Danh	27/11/2003	CD25CT5	8.3	8.0	8.4	8.4	8.28	B1
22	501230568	Nguyễn Tất Thành	Đạt	20/08/2005	CD23CT7	4.3	5.0	5.2	7.2	5.43	A2
23	601250055	Tổng Thành	Đạt	27/08/2001	CL25CT1	8.0	6.3	9.2	7.2	7.68	B1
24	501240148	Phạm Tiến	Đạt	11/04/2006	CD24CT2	5.0	1.0	2.8	7.2	4.00	không đạt
25	510250295	Võ Thị Ngọc	Diệu	16/04/2007	CD25DH2	9.8	8.0	6.8	9.6	8.55	B1
26	501250347	Nguyễn Anh	Đô	17/07/2007	CD25CT_CLC	9.5	8.3	9.6	9.6	9.25	B1
27	501200560	Vũ Kim	Đồng	29/05/2002	CD20DH5	8.5	7.8	8.0	8.4	8.18	B1
28	501250397	Phan Tạ Hữu	Đức	17/11/2007	CD25CT_CLC	8.5	8.5	8.8	9.6	8.85	B1
29	510250331	Triệu Mỹ	Dung	25/11/2007	CD25DH2	10.0	9.5	9.6	9.2	9.58	B1
30	510250204	Võ Thị Thùy	Dương	23/01/2007	CD25DH3	8.8	7.8	7.6	9.2	8.35	B1
31	801250012	Nguyễn Lê Anh	Duy	26/02/2010	TC25TH1	2.8	2.8	2.8	8.0	4.10	không đạt
32	510240175	Trần Cao Kỳ	Duyên	18/04/2006	CD24DH2	5.3	5.5	5.2	9.2	6.30	B1
33	501250433	Lê Thanh	Hậu	15/11/2007	CD25CT_CLC	8.5	8.0	8.8	8.4	8.43	B1
34	501240214	Phạm Tấn	Hiền	07/11/2006	CD24TT1	3.8	0.8	4.4	7.6	4.15	không đạt
35	501250367	Nguyễn Văn	Hiếu	11/02/2007	CD25CT_CLC	7.3	8.8	10.0	8.0	8.53	B1
36	501250065	Nguyễn Phan Minh	Hiếu	12/12/1997	CD25CT_CLC	6.0	5.8	4.0	8.4	6.05	B1
37	501250318	Lê Trung	Hiếu	07/12/2001	CD25CT11	6.0	6.0	8.8	7.6	7.10	B1
38	801250004	Nguyễn Hoàng Minh	Hiếu	17/08/2010	TC25TH1	6.8	1.0	5.2	6.4	4.85	không đạt

Stt	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Điểm				Điểm TB	Cấp độ
						Đọc	Viết	Nghe	Nói		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)		(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
39	501220479	Lê Huy	Hiệu	29/10/2004	CD22CT9	5.8	5.3	4.4	8.0	5.88	A2
40	501250170	Dương Đình	Hoàng	17/09/2006	CD25CT3	5.0	1.5	3.6	7.2	4.33	không đạt
41	501250297	Nguyễn Lê	Hoàng	07/11/2007	CD25CT5	8.8	8.0	4.8	8.4	7.50	B1
42	513230178	Nguyễn Thị Mỹ	Hường	25/08/2004	CD23TD1	5.0	5.0	6.8	8.0	6.20	B1
43	512250548	Lại Đình	Hường	02/07/2007	CD25MK1	6.5	7.5	4.4	8.4	6.70	B1
44	602250054	Hồ Minh	Huy	27/04/2008	CL25TM1	4.8	1.8	0.0	5.2	2.95	không đạt
45	510240334	Trần Nguyễn Minh	Huy	09/06/2006	CD24DH1	7.3	6.0	5.6	6.8	6.43	B1
46	510240205	Nguyễn Ngô Gia	Huy	15/09/2006	CD24DH2	8.0	8.0	8.0	8.4	8.10	B1
47	501250055	Châu Gia	Huy	11/12/2003	CD25CT1	8.8	7.5	6.0	7.6	7.48	B1
48	501240210	Nguyễn Ngọc	Huy	10/09/1997	CD24CT11	6.8	6.0	6.4	7.6	6.70	B1
49	501240237	Ngô Gia	Huy	28/08/2004	CD24CT_CLC	7.3	4.0	4.4	7.6	5.83	không đạt
50	512230140	Nguyễn Huỳnh Nhật	Huy	09/10/2005	CD23MK1	8.5	7.5	8.4	7.6	8.00	B1
51	501250420	Huỳnh Thị Nhật	Huyền	07/02/2007	CD25CT4	8.8	6.0	4.4	7.6	6.70	B1
52	501250376	Trương Minh	Kha	10/08/2007	CD25CT4	2.5	3.0	2.0	7.2	3.68	không đạt
53	517240367	Nguyễn Tấn	Khải	06/01/2006	CD24TT1	5.8	1.8	2.4	7.2	4.30	không đạt
54	501240365	Lê Nguyễn Duy	Khánh	05/02/2006	CD24CT4	4.8	1.0	6.4	6.8	4.75	không đạt
55	517240152	Dương Quốc	Khánh	17/07/2006	CD24TT1	4.8	3.0	3.6	6.4	4.45	không đạt
56	501250161	Lê Duy	Khánh	19/07/2006	CD25CT_CLC	4.0	3.8	6.0	6.0	4.95	không đạt
57	501240119	Hà Duy	Khánh	01/01/2006	CD24CT2	8.3	5.8	6.0	7.2	6.83	B1
58	801250016	Nguyễn Đăng	Khoa	13/12/2008	TC25TH1	7.5	7.5	8.0	7.2	7.55	B1
59	517240072	Ngô Huỳnh Minh	Khoa	04/10/2006	CD24TT1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.00	không đạt
60	501240178	Lê Đỗ Đăng	Khôi	06/07/2006	CD24CT_CLC	7.8	7.0	7.2	6.0	7.00	B1
61	506250495	Châu Tuấn	Kiệt	18/11/2007	CD25CT_CLC	3.0	3.8	9.2	6.0	5.50	không đạt
62	501250154	Lê Trí	Kiệt	20/05/2007	CD25CT_CLC	8.5	7.0	9.2	9.2	8.48	B1
63	606250011	Trần Đình Gia	Kiệt	02/01/2007	CL25CM1	8.0	3.8	7.2	7.6	6.65	B1
64	510230164	Trương Võ Tuấn	Kiệt	06/08/2003	CD23DH3	3.3	1.8	4.8	6.8	4.18	không đạt
65	510240211	Bùi Ngọc	Lâm	08/10/2006	CD24DH2	3.3	0.8	2.4	0.0	1.63	không đạt
66	501230506	Triệu Khánh	Lâm	20/10/2005	CD23CT6	8.3	5.0	7.2	7.6	7.03	B1
67	510250241	Nguyễn Thị Thủy	Liên	02/02/2007	CD25DH3	2.3	1.0	2.4	6.8	3.13	không đạt
68	512230279	Lê Thị Thủy	Linh	13/01/2005	CD23MK1	8.0	7.8	8.8	9.6	8.55	B1
69	510230136	Lê Hoài	Linh	29/09/2005	CD23DH2	5.8	5.5	4.0	8.8	6.03	B1
70	514250240	Nguyễn Thị Thủy	Loan	02/02/2007	CD25DH3	3.0	2.3	2.4	6.4	3.53	không đạt
71	501230184	Bùi Hữu	Lộc	28/05/2005	CD23CT5	1.3	0.0	1.6	0.0	0.73	không đạt
72	507250001	Đào Tấn	Lộc	16/10/2003	CD25MK1	6.0	6.5	6.8	9.2	7.13	B1
73	801250005	Nguyễn Thái	Lộc	04/12/2009	TC25TH1	6.0	3.6	3.6	9.2	5.60	A2
74	801250002	Võ Thành	Long	30/07/2006	TC25TH1	7.3	7.0	7.6	9.2	7.78	B1
75	510240363	Trương Hoàng	Nam	02/05/2006	CD24DH1	8.0	3.8	4.8	7.2	5.95	A2
76	501240173	Hoàng Đình Nhật	Nam	09/07/2006	CD24TT1	7.5	6.8	7.2	6.0	6.88	B1
77	510250266	Nguyễn Ngọc Kim	Ngân	28/04/2007	CD25DH2	9.0	5.3	6.8	6.0	6.78	B1
78	801250021	Hoàng Thiên	Ngân	13/05/2005	TC25TH1	5.8	1.8	2.0	6.0	3.90	không đạt
79	510240318	Đồng Hoàng Trung	Nghĩa	06/10/2005	CD24DH1	9.3	7.5	6.4	9.2	8.10	B1
80	801250011	Huỳnh Thanh	Ngọc	13/05/2010	TC25TH1	3.8	4.0	6.0	8.4	5.55	A2
81	501250354	Huỳnh Vương Thanh	Nhã	01/08/2007	CD25CT_CLC	5.8	6.0	8.0	8.4	7.05	B1
82	601250040	Nguyễn Trọng	Nhân	27/09/2007	CL25CT1	8.8	7.5	7.6	8.0	7.98	B1
83	502240284	Lương Thế	Nhật	01/01/2006	CD24TM1	5.8	0.5	2.0	0.0	2.08	không đạt

Stt	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Điểm				Điểm TB	Cấp độ
						Đọc	Viết	Nghe	Nói		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)		(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
84	501250426	Nguyễn Long	Nhật	09/12/2007	CD25CT6	4.8	3.0	2.8	6.4	4.25	không đạt
85	510250160	Trần Thị Tuyết	Nhi	23/02/2007	CD25DH2	5.0	2.3	2.8	8.0	4.53	không đạt
86	501250145	Nguyễn Thị Yến	Nhi	15/08/2007	CD25CT_CLC	4.0	6.8	3.2	6.4	5.10	không đạt
87	801250023	Nguyễn Thị	Nhi	02/02/2002	TC25TH1	7.5	6.3	8.0	8.8	7.65	B1
88	607230028	Nguyễn Huỳnh Lan	Nhi	09/10/2004	CL23QT1	7.0	6.5	7.6	9.2	7.58	B1
89	501250057	Nguyễn Văn	Nhon	17/09/2003	CD25CT1	9.5	8.5	9.2	9.2	9.10	B1
90	510240250	Lâm Hồng	Nhật	12/03/2006	CD24DH2	6.3	5.8	6.8	6.8	6.43	B1
91	501250063	Nguyễn Đức	Phát	30/08/1999	CD25CT11	8.8	8.3	8.8	8.4	8.58	B1
92	501250394	Đỗ Ngọc	Phát	24/08/2007	CD25CT_CLC	8.5	7.5	8.8	7.6	8.10	B1
93	801250019	Đặng Minh	Phát	19/05/2007	TC25TH1	5.3	4.5	4.4	7.6	5.45	A2
94	501220386	Liu Hin	Phát	11/12/2003	CD22CT8	2.8	1.3	2.0	0.0	1.53	không đạt
95	517250182	Quách Đại	Phi	23/11/2007	CD25CT3	9.3	7.5	10.0	9.2	9.00	B1
96	501250126	Đỗ Trung	Phong	02/08/2007	CD25CT_CLC	7.0	4.3	7.6	6.0	6.23	B1
97	510240326	Nguyễn Mạnh	Phú	26/01/2005	CD24DH1	8.5	6.8	7.2	8.4	7.73	B1
98	510240187	Cadá Thiên	Phú	23/01/2006	CD24DH3	8.0	7.0	7.2	9.2	7.85	B1
99	510250220	Tiêu Vỹ	Phúc	03/08/2007	CD25DH2	9.5	8.5	9.2	9.2	9.10	B1
100	601250007	Trương Chí	Phúc	01/05/2007	CL25CT1	2.8	0.0	2.0	5.2	2.50	không đạt
101	508240256	Nguyễn Lê Hồng	Phúc	24/02/2006	CD24KT1	3.0	3.3	3.6	8.4	4.58	không đạt
102	510250213	Trần Đại	Phước	16/12/2006	CD25DH3	5.3	5.8	6.4	7.2	6.18	B1
103	517230638	Trần Thị Trúc	Phương	19/12/1999	CD23TT1	7.3	7.0	5.6	8.8	7.18	B1
104	801240012	Nguyễn Ngọc Thê	Quân	25/05/2005	TC24TH1	9.3	8.3	8.4	9.6	8.90	B1
105	510230413	Lê Trần Anh	Quân	13/05/2003	CD23DH3	5.0	4.3	5.2	8.4	5.73	A2
106	510250212	Hồ Minh	Quân	18/10/2007	CD25DH2	6.3	3.3	4.0	6.8	5.10	không đạt
107	501250143	Nguyễn Duy	Quân	06/09/2007	CD25CT_CLC	4.3	4.0	2.8	5.2	4.08	không đạt
108	501250341	Đỗ Mạnh	Quang	19/06/2006	CD25CT_CLC	4.3	1.8	4.4	6.0	4.13	không đạt
109	501250118	Thượng Mạnh	Quỳnh	21/10/2007	CD25CT_CLC	7.8	7.0	8.0	6.8	7.40	B1
110	501250377	Phạm Phú	Sang	07/04/2007	CD25CT6	6.5	6.5	6.0	7.6	6.65	B1
111	801250017	Nguyễn Tấn	Sang	07/06/2008	TC25TH1	9.5	5.0	8.0	5.6	7.03	B1
112	501240044	Hoàng Diên Tấn	Tài	21/12/2004	CD24CT11	8.8	6.5	6.4	6.0	6.93	B1
113	510240354	Hoàng Gia Thái	Tài	23/07/2006	CD24DH1	3.3	3.3	3.6	4.8	3.75	không đạt
114	501250471	Lê Thành	Tài	09/04/2007	CD25CT_CLC	4.3	5.0	7.2	6.8	5.83	không đạt
115	601250016	Nguyễn Duy	Tài	28/11/2007	CL25CT1	10.0	7.3	9.6	6.4	8.33	B1
116	601250018	Thái Hữu	Tài	13/01/2007	CL25CT1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.00	không đạt
117	501230248	Lê Tấn	Tài	21/11/2005	CD23CT4	8.5	7.0	8.0	7.6	7.78	B1
118	501250271	Phan Đức	Tâm	29/03/2007	CD25CT3	8.5	7.0	9.6	8.0	8.28	B1
119	602250035	Phan Nguyễn Nhật	Tâm	28/11/2005	CL25TM1	3.0	1.0	3.2	4.4	2.90	không đạt
120	513240336	Nguyễn Minh Viết	Tâm	30/07/1999	CD24TD1	4.8	3.0	4.0	0.0	2.95	không đạt
121	501250309	Tô Thanh	Tân	12/08/2005	CD25CT_CLC	7.0	7.3	8.0	9.2	7.88	B1
122	501250392	Trần Nhật	Tân	20/12/2007	CD25CT_CLC	9.5	8.8	8.0	7.6	8.48	B1
123	501240100	Nguyễn Phan Đại	Thắng	07/07/2006	CD24CT2	9.0	7.3	10.0	6.4	8.18	B1
124	510230441	Trần Thiện	Thanh	27/03/2005	CD23DH1	7.8	4.0	6.4	8.0	6.55	B1
125	501250587	Nguyễn Chí	Thanh	22/10/2007	CD25CT11	8.8	5.5	4.8	5.2	6.08	B1
126	501240183	Nguyễn Ngọc	Thành	13/03/2000	CD24CT_CLC	6.0	6.0	9.2	5.6	6.70	B1
127	601250008	Nguyễn Kim	Thảo	16/11/2007	CL25CT1	7.5	3.8	5.2	6.8	5.83	A2
128	501250251	Nguyễn Đức	Thi	29/03/2007	CD25CT3	3.8	3.0	4.0	5.6	4.10	không đạt

Stt	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Điểm				Điểm TB	Cấp độ
						Đọc	Viết	Nghe	Nói		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)		(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
129	510240135	Võ Thanh	Thiên	19/03/2006	CD24DH3	9.0	8.0	9.2	8.0	8.55	B1
130	501250097	Nguyễn Viết	Thiện	03/07/1993	CD25CT11	9.5	7.8	8.4	7.2	8.23	B1
131	501240123	Hồ Sĩ	Thịnh	22/02/2006	CD24CT2	6.3	2.0	3.2	6.4	4.48	không đạt
132	502250221	Lương Hoàng Quốc	Thịnh	31/08/2007	CD25TM1	9.0	8.3	7.2	8.0	8.13	B1
133	510250174	Phan Nguyễn Tiến	Thịnh	11/09/2007	CD25DH3	7.0	8.0	4.8	4.4	6.05	B1
134	501250539	Bùi Nguyễn Quốc	Thịnh	09/03/2007	CD25CT6	7.5	5.5	8.0	6.0	6.75	B1
135	801240013	Nguyễn Phi Khắc	Thịnh	23/10/2008	TC24TH1	5.0	0.5	2.8	5.6	3.48	không đạt
136	501240248	Nguyễn Hoàng	Thông	21/10/2005	CD24CT2	4.0	0.0	1.6	5.6	2.80	không đạt
137	501230509	Trương Ngọc	Thông	27/04/2005	CD23CT6	3.3	0.3	2.8	6.4	3.20	không đạt
138	510250201	Trương Ngọc	Thy	24/10/2007	CD25DH2	10.0	10.0	10.0	9.2	9.80	B1
139	501250352	Nguyễn Chí	Tin	24/10/2007	CD25CT_CLC	8.3	7.3	8.4	8.0	8.00	B1
140	501250299	Trần Đình	Tinh	21/10/2006	CD25CT_CLC	6.3	7.0	8.8	5.2	6.83	B1
141	501250114	Huỳnh Thị Kim	Trang	16/08/2007	CD25CT_CLC	7.0	7.3	6.0	7.6	6.98	B1
142	602250044	Đinh Ngọc	Trí	12/09/2007	CL25TM1	7.8	7.5	5.6	4.4	6.33	B1
143	801250009	Nguyễn Đức	Trí	30/10/2010	TC25TH1	4.5	4.5	6.0	6.0	5.25	A2
144	601250030	Lâm Tăng Minh	Triết	03/05/2004	CL25CT1	9.5	7.5	9.2	7.6	8.45	B1
145	801250008	Đỗ Anh	Trình	21/04/2007	TC25TH1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.00	không đạt
146	510240349	Lê Quang	Trọng	08/12/2006	CD24DH1	4.8	4.8	5.2	6.0	5.20	A2
147	510240315	Ngô Thế	Trung	24/07/2006	CD24DH1	9.0	7.5	7.6	8.0	8.03	B1
148	501240151	Cao Nhật	Trường	25/01/2006	CD24CT2	6.0	2.0	5.2	5.2	4.60	không đạt
149	601250026	Phan Nguyễn Minh	Tú	15/11/2007	CL25CT1	9.8	8.0	8.8	7.6	8.55	B1
150	510230232	Nguyễn Thị Hồng	Tuyết	07/06/2005	CD23DH2	7.8	6.8	6.0	8.0	7.15	B1
151	501250370	Nguyễn Thu	Uyên	16/07/2007	CD25CT6	0.0	0.0	0.0	0.0	0.00	không đạt
152	801250020	Tạ Bội	Vân	18/03/2010	TC25TH1	4.3	2.5	3.2	7.6	4.40	không đạt
153	501250253	Huỳnh Lý Minh	Vi	20/10/1994	CD25CT11	9.8	9.0	9.6	5.2	8.40	B1
154	501250468	Lâm Chí	Vĩ	17/01/2007	CD25CT_CLC	4.8	4.5	6.0	5.6	5.23	không đạt
155	501250068	Trần Lê	Vinh	19/01/2000	CD25CT1	7.3	7.0	4.0	6.0	6.08	B1
156	501250280	Đặng Nguyễn Hoàng	Vũ	26/11/1996	CD25CT11	7.3	6.3	9.6	7.2	7.60	B1
157	517250180	Lâm Thảo	Vy	01/11/2007	CD25DH2	7.5	5.0	4.8	6.0	5.83	A2
158	602250053	Phạm Hùng	Vỹ	17/06/2008	CL25TM1	6.0	0.0	1.6	4.4	3.00	không đạt
159	501250115	Nguyễn Ngọc	Ý	15/10/2007	CD25CT4	5.8	1.5	4.4	7.6	4.83	không đạt
160	517250324	Nguyễn Hoàng	Yến	25/09/2007	CD25TT1	7.5	6.3	8.0	6.0	6.95	B1

Công nhận đạt đối với sinh viên hệ Trung cấp điểm TB ≥ 4.0
 Công nhận đạt đối với sinh viên hệ Cao đẳng điểm TB > 5
 Công nhận đạt đối với sinh viên hệ Chất lượng cao điểm TB > 6
 Điểm liệt: có 1 trong 4 kỹ năng ≤ 3.5

Tổng số sinh viên dự thi: 154
 Tổng số đạt : 106
 Tổng số không đạt: 48
 Tổng số bỏ thi: 6

Ngày 06 tháng 10 năm 2026

Khoa Đại Cương

ThS. Ngô Trọng Minh